

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 49/2021/HS-PT

Ngày: 05-02-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết.

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Tuyết và ông Trần Duy Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 01/2021/TLPT-HS ngày 04/01/2021 đối với các bị cáo Nguyễn Thị A, Trần Thị X về tội “*Môi giới mại dâm*”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 64/2020/HS-ST ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thị A**; sinh năm 1983, tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn X H và bà Phan Thị N; bị cáo có chồng là Trần Hoài B (đã chết) và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/6/2020 đến ngày 19/6/2020 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trần Thị X**; sinh năm 1986, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc P và bà Trần Thị M. Bị cáo có chồng là Lê Đắc H1 (đã ly hôn) và có 01 con, sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/7/2020 đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị X:* Ông Đồng Văn N1 - Luật sư thuộc Chi nhánh Văn phòng Luật sư T tại Đ - Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

Địa chỉ: Số nhà 11 đường T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị A và Trần Thị X cùng làm nhân viên tiếp bia tại quán Karaoke B thuộc tổ dân phố A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 11/6/2020, Võ Văn N2 gọi điện thoại đến cho Nguyễn Thị A đặt vấn đề mua dâm cho 02 người, A thỏa thuận giá 1.200.000 đồng/01 người thì N2 đồng ý. Nguyễn Thị A nói với Trần Thị X có khách gọi mua dâm, A nói X cùng đi bán dâm với giá là 1.000.000 đồng thì X đồng ý.

Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Thị A và Võ Văn N2 hẹn gặp nhau ở ngã tư đèn xanh, đèn đỏ gần khách sạn P. Nguyễn Thị A điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 59 D1-986.26, còn Trần Thị X điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47E1-264.64 đi đến ngã tư thì gặp Võ Văn N2 cùng với Lê Văn T và Nguyễn Văn H2 đi xe taxi đang chờ ở ngã tư. Nguyễn Thị A dẫn nhóm Võ Văn N2 đi đến nhà nghỉ H, địa chỉ số 6 đường T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Khi đến nhà nghỉ H thì Võ Văn N2 nói với Nguyễn Thị A là bên N2 có 03 người, nên cần gọi thêm 01 gái bán dâm nữa. Nguyễn Thị A nói với Trần Thị X “giờ còn con T2 mà giờ nó ngại tao”, X liền nói lại “để tao gọi nó cho”. Trần Thị X lấy điện thoại gọi cho Vũ Thị T2 nói T2 đến nhà nghỉ H bán dâm, với giá 1.000.000 đồng thì T2 đồng ý. Sau đó, Trần Thị X điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47E1-264.64 đến quán Karaoke King chở Vũ Thị T2 đến nhà nghỉ H để bán dâm. Khi Trần Thị X và Vũ Thị T2 đến nhà nghỉ H thì Nguyễn Thị A đi vào gặp chủ nhà nghỉ là ông Huỳnh Duy M2 thuê ba phòng. Võ Văn N2 đưa cho Nguyễn Thị A số tiền 3.800.000 đồng, gồm tiền mua dâm 03 người và tiền phòng. Nguyễn Thị A đưa cho Trần Thị X và Vũ Thị T2 mỗi người 1.000.000 đồng, còn A giữ 1.800.000 đồng. Tiếp đến, Nguyễn Thị A và Võ Văn N2 vào phòng số 02, Vũ Thị T2 và Lê Văn T vào phòng số 03, Trần Thị X và Nguyễn Văn H2 vào phòng số 09 để mua bán dâm. Đến 22 giờ 40 phút cùng ngày, khi tất cả đang quan hệ tình dục thì bị lực lượng Công an kiểm tra nhà nghỉ và bắt quả tang, thu giữ số tiền 3.800.000 đồng và các vật chứng khác.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 64/2020/HS-ST ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị A, Trần Thị X phạm tội “*Môi giới mại dâm*”.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị A 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 12/6/2020 đến ngày 19/6/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 328; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Thị X 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 16/11/2020, bị cáo Trần Thị X có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo (hoặc được cải tạo không giam giữ).

Ngày 25/11/2020, bị cáo Nguyễn Thị A có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo (hoặc được cải tạo không giam giữ).

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hậu quả gây ra đối với hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị A về tội “*Môi giới mại dâm*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 của Bộ luật hình sự và bị cáo Trần Thị X về tội “*Môi giới mại dâm*” theo quy định khoản 1 Điều 328 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo là thỏa đáng và tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo. Đối với bị cáo Nguyễn Thị A là người trực tiếp môi giới mại dâm với đối tượng Võ Văn N2 sau đó A gọi cho Trần Thị X để cùng đi bán dâm và thu lợi bất chính từ việc môi giới mại dâm. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo A không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên cần phải cách ly với xã hội để đảm bảo việc cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, nên kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị A là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với bị cáo Trần Thị X sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường

hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ: Điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị A giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị X, sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Thị X 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị X cho rằng: Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “*Môi giới mại dâm*” theo quy định tại khoản 1 Điều 328 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo không bào chữa, tranh luận gì thêm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra đã bắt quả tang 03 cặp mua bán dâm nhưng cơ quan điều tra không xử lý ba đối tượng mua dâm là Võ Văn N2, Lê Văn T, Nguyễn Văn H2 là thiếu sót. Đề Cáo trạng và Bản án sơ thẩm phải tách hành vi do không rõ nhân thân lai lịch, Cơ quan điều tra cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ xác định: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 11/6/2020, Võ Văn N2 gọi điện thoại cho Nguyễn Thị A để thỏa thuận về việc mua dâm. Nguyễn Thị A đồng ý và nói với Trần Thị X cùng đi bán dâm. Khi A và X đến gặp N2 thì ngoài N2 còn có Lê Văn T và Nguyễn Văn H2 cùng là người mua dâm. Do phía N2 có 03 người nên nói A gọi thêm 01 gái bán dâm nữa. A nói X còn có Vũ Thị T2, nhưng A với T2 xích

mích trước đó nên X nói để X gọi T2, rồi X đi chở T2 đến nhà nghỉ H để bán dâm. Tại đây, N2 đưa cho A số tiền 3.800.000 đồng, A đưa X và T2 mỗi người 1.000.000 đồng còn X giữ 1.800.000 đồng. Đến khoảng 22 giờ 40 phút cùng ngày khi A, X, T2 đang bán dâm thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị A về tội “*Môi giới mại dâm*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 của Bộ luật hình sự và bị cáo Trần Thị X về tội “*Môi giới mại dâm*” theo quy định khoản 1 Điều 328 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Đối với bị cáo Nguyễn Thị A: Về mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị A là 03 (ba) năm tù là thỏa đáng và tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo A là người trực tiếp thỏa thuận việc mua bán dâm với N2, sau đó A gọi cho X cùng đi bán dâm. Bị cáo A cũng là người khởi xướng việc gọi Vũ Thị T2 cùng đi bán dâm, nhưng giữa bị cáo A với T2 xích mích trước đó nên bị cáo X nói để X gọi T2 và bị cáo A là người trực tiếp hưởng lợi từ việc môi giới mại dâm. Khi lượng hình đối với bị cáo Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, nên cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhất định để đảm bảo việc cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành những công dân tốt. Vì vậy, kháng cáo của bị cáo xin hưởng án treo là không có căn cứ chấp nhận, mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị A là phù hợp.

[3.2] Đối với bị cáo Trần Thị X: Xét mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo Trần Thị X là 09 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Trong vụ án này, bị cáo X là người được bị cáo A gọi đi bán dâm. Việc bị cáo X gọi cho Vũ Thị T2 cùng đi bán dâm là do giữa bị cáo A với T2 xích mích trước đó nên bị cáo A không chủ động gọi cho T2 mà nói bị cáo X gọi. Bị cáo X không chủ động việc môi giới mua bán dâm và bị cáo X cũng không thu lợi bất chính từ việc môi giới này. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Xét thấy, bị cáo Trần Thị X có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo, để bị cáo tự cải tạo tại chỗ dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình là phù hợp, như vậy cũng đảm bảo được việc cải tạo, giáo dục bị cáo trở

thành một công dân tốt. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Thị X, sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt. Đảm bảo nguyên tắc phân hoá tội phạm, nghiêm trị kết hợp với khoan hồng của luật hình sự.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Nguyễn Thị A phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Trần Thị X do được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị A – Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2020/HS-ST ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị A.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị X - Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2020/HS-ST ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo Trần Thị X.

[2]. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị A, Trần Thị X phạm tội “*Môi giới mại dâm*”.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị A 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 12/6/2020 đến ngày 19/6/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Trần Thị X 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị X cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Trần Thị X không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- Công an huyện Krông Năng;
- Chi cục huyện Krông Năng;
- T.H.A.HS huyện K;
- Các bị cáo;
- Công TTĐT TANDTC;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Triết